

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất năm 2021
thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ (lần 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3583/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (Tờ trình số 109/TTr-TNMT ngày 02/3/2021),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thị xã Phú Thọ với các nội dung sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất.

- Chỉ tiêu diện tích đất nông nghiệp thay đổi so với Kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Cụ thể:

+ Điều chỉnh diện tích đất trồng cây hàng năm khác là: 685,43 ha, tăng 0,54 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

+ Điều chỉnh diện tích đất trồng cây lâu năm là: 1.203,91 ha, giảm 0,54 ha so với Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 đã được phê duyệt.

Các chỉ tiêu khác giữ nguyên theo Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của UBND thị xã Phú Thọ đã được UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt.

Biểu 01. Chỉ tiêu diện tích các loại đất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Diện tích theo KHSDD 2021 được duyệt (ha)	Diện tích Điều chỉnh KHSDD 2021 (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		6.520,15	6.520,15	-
1	Đất nông nghiệp	NNP	3.764,12	3.764,12	-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.062,39	1.062,39	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	654,07	654,07	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	684,89	685,43	0,54
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.204,45	1.203,91	-0,54
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	581,68	581,68	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	201,40	201,40	-
1.8	Đất làm muối	LMU	-	-	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	29,31	29,31	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.722,14	2.722,14	-
2.1	Đất quốc phòng	CQP	160,64	160,64	-
2.2	Đất an ninh	CAN	66,22	66,22	-
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	396,42	396,42	-
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	-	-	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	23,47	23,47	-
2.6	Đất thương mại dịch vụ	TMD	29,90	29,90	-
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	60,76	60,76	-
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1,82	1,82	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	956,29	956,29	-
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	
2.11	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	0,08	0,08	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,09	0,09	-
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	458,64	458,64	-
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	159,39	159,39	-
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,24	9,24	-
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	12,11	12,11	-
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	11,49	11,49	-
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	47,43	47,43	-
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	12,97	12,97	-
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,63	5,63	-
2.22	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV	15,55	15,55	-
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	2,53	2,53	-

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Diện tích theo KHSDD 2021 được duyệt (ha)	Diện tích Điều chỉnh KHSDD 2021 (ha)	So sánh tăng, giảm (ha)
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	234,36	234,36	-
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	57,11	57,11	-
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	33,89	33,89	-

2. Danh mục công trình bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thị xã Phú Thọ.

TT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Căn cứ pháp lý
1	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất ở thuộc dự án Hạ tầng kỹ thuật kỹ thuật nhà ở và dịch vụ ven đường 35m, thị xã Phú Thọ	Xã Hà Lộc	9,0	Quyết định số 3165/QĐ-UBND ngày 27/11/2007 của UBND tỉnh Phú Thọ
2	Xây dựng HTKT, dịch vụ Cụm công nghiệp Bắc Lâm Thao, huyện Lâm Thao <i>(Điều chỉnh địa điểm, loại đất đưa vào dự án)</i>	xã Phú Hộ	0,54 (Đất trồng cây lâu năm)	tại Quyết định số 3583 ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 xác định: Loại đất: Đất trồng cây hàng năm khác, Vị trí: xã Hà Thạch

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 điều chỉnh theo quyết định, tham mưu thực hiện việc thu hồi đất, giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh quyết định theo kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

2. UBND thị xã Phú Thọ có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố công khai điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất; đôn đốc chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện tốt Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;

- Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng nội dung điều chỉnh Kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất, giải quyết kịp thời các tranh chấp về đất đai, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan; Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND thị xã Phú Thọ và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Trọng Tấn